

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1031/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tố Nữ;

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Xuân Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 697/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2020/QĐST-HNGĐ Ngày 08/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Anh Đ, sinh năm: 1983

Thường trú: Số 762/14 đường Q, khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 129/74/13 đường L, khu phố M, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công T. Sinh năm: 1984

Thường trú: Số 762/14 đường Q, khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2021 của bà Lâm Anh Đ và bản tự khai của các bên đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Lâm Anh Đ là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Công T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169 quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2009.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không hợp nhau về quan điểm tính tình, không còn tình cảm với nhau, ông T thường xuyên nhậu nhẹt. Nay bà yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Anh Đ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Công T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Lâm Phúc T, sinh ngày 23/3/2011 và Nguyễn Lâm Hiếu L sinh ngày 05/2/2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Lâm Hiếu L, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý để ông T trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Lâm Phúc T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Công T mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 30/12/2021, ông có bản tự khai trình bày muốn hàn gắn với bà Đ để gia đình và các con được hạnh phúc. Tuy nhiên, ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không tham gia phiên tòa xét xử vụ án, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung ông khai không có. Về con chung ông không trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến từ ông Nguyễn Công T đối với vấn đề con chung.

Tại phiên tòa:

Bị đơn, Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng nhưng chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa bà Lâm Anh Đ và ông Nguyễn Công T là tranh chấp ly hôn. Xét bị đơn có nơi cư trú tại số 762/14 đường Q, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 08/12/2021 và 08 giờ 30 phút ngày 30/12/2021, ông Nguyễn Công T có đơn xin vắng mặt ngày 30/12/2021. Ngày 29/10/2021, nguyên đơn bà Lâm Anh Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đ ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Bà Lâm Anh Đ và ông Nguyễn Công T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169 quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Đ trình bày do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu do không hòa hợp trong suy nghĩ và sinh hoạt hằng ngày trong gia đình, thường xuyên cãi nhau, không hợp nhau về quan điểm tính tình, không còn tình cảm với nhau, ông T thường xuyên nhậu nhẹt. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Công T.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng. Trong đó, thông báo thụ lý; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Các thông báo trên đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ. Ngày 30/12/2021, ông T trình bày muốn hàn gắn với bà Đ để gia đình và các con được hạnh phúc. Tuy nhiên, ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không tham gia phiên tòa xét xử vụ án, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung ông khai không có. Về con chung ông không trình bày ý kiến.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung hiện tại của vợ chồng bà Đ ông T không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Bà Đ yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vì vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Đ ông T đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của Đào.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Công T, ông yêu cầu đoàn tụ vì ông muốn hàn gắn tình cảm với bà Đ. Tuy nhiên, ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không tham gia phiên tòa xét xử vụ án, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải nhưng ông T không đến là không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của ông T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Lâm Phúc T, sinh ngày 23/3/2011 và Nguyễn Lâm Hiếu L sinh ngày 05/02/2013. Hiện trẻ Toàn đang sống với ông T, trẻ Lộc đang sống với bà Đ. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giao trẻ Nguyễn Lâm Phúc T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Nguyễn Lâm Hiếu L cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Lộc. Xét thấy hiện trẻ Toàn đang được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trẻ Lộc đang được bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của trẻ Toàn muốn được sống cùng ba để ba chăm sóc giáo dục. Nguyên vọng của trẻ Lộc muốn được sống cùng mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của trẻ và để hạn chế được phần nào về sự ảnh hưởng tiêu cực

về tâm sinh lý của trẻ. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy việc giao trẻ Nguyễn Lâm Phúc T, sinh ngày 23/3/2011 cho ông Nguyễn Công T và giao trẻ Nguyễn Lâm Hiếu L sinh ngày 05/02/2013 cho bà Lâm Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Anh Đ và ông Nguyễn Công T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Bà Lâm Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0063810 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Anh Đ.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Anh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Công T. Giấy chứng nhận kết hôn số 169 quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2009 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Lâm Phúc T, sinh ngày 23/3/2011 cho ông Nguyễn Công T và giao trẻ Nguyễn Lâm Hiếu L sinh ngày 05/02/2013 cho bà Lâm Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đ ông T không cấp dưỡng nuôi con chung vì cả hai bên không yêu cầu.

Bà Đ ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Đ ông T xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lâm Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0063810 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phi Yến